

Số: 68b/QĐ-THCS

Tuần Giáo, ngày 11 tháng 01 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2024
của Trường THCS TT Tuần Giáo

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2019 của bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-PGDĐT ngày 28/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào Tạo huyện Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi Ngân sách 2024;

Xét đề nghị của bộ phận tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán ngân sách năm 2024 của trường THCS Thị Trần Tuần Giáo (biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 11/01/2024 đến 11/02/2024 và công bố tại cuộc họp viên chức, người lao động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường THCS Thị Trần Tuần Giáo và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trường THCS Thị Trần Tuần Giáo;
- Các bộ phận;
- Lưu VT, KT.

HIỆU TRƯỞNG



Đỗ Thị Mai Hương

Số: 268/QĐ - PGDDT

Tuần Giáo, ngày 28 tháng 12 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH

Về việc giao dự toán thu, chi ngân sách SNGD năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO HUYỆN TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/5/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về Giáo dục;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của UBND huyện Tuần Giáo về việc phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện Tuần Giáo giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định 1999/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Tuần Giáo về việc phê duyệt phương án phân bổ chi Sự nghiệp giáo dục năm 2024;

Xét đề nghị của bộ phận tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách SNGD năm 2024 cho 62 trường và Văn phòng phòng Giáo dục và Đào tạo.

1. Thu chi từ nguồn thu học phí: 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng chẵn).
2. Chi ngân sách nhà nước: 491.972.000.000 đồng (Bốn trăm chín mươi một tỷ, chín trăm bảy mươi hai triệu đồng chẵn).

- Nguồn kinh phí không tự chủ (Mã nguồn 12) số tiền: 112.382.000.000 đồng.
- Nguồn kinh phí tự chủ (Mã nguồn 13) số tiền: 379.590.000.000 đồng.

(Như biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán thu, chi ngân sách SNGD năm 2024 được giao, các Trường và Văn phòng phòng Giáo dục & Đào tạo có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Hiệu trưởng các trường, Văn phòng phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- KBNN huyện;
- Các trường;
- Lưu VT, TV.

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Văn Sơn

PHÒNG
GIÁO
DỤC VÀ ĐÀO
TẠO

1



NGUỒN KINH PHÍ NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP																	
Nguồn kinh phí NSNN giáo dục tự chủ (Nguồn 12)																	
STT	MIA DIVISIONS	CỘNG	40% để chi thực hiện CCTL	60% chi thường xuyên khác	TỔNG CỘNG	Nguồn kinh phí NSNN giáo tự chủ (Nguồn 13)	Tổng nguồn 12	Kinh phí thực hiện các chính sách cho học sinh, giáo viên									
								Hỗ trợ theo Nghị định 105/2020/NĐ-CP		Thực hiện chính sách theo Nghị định 81/2021/NĐ-CP		Hỗ trợ học sinh PTDT biên trú theo bản trú theo ND 116/2016/NĐ-CP	Chính sách giáo dục người khuyết tật (theo TT 57/2017/ ND-CP)	Hỗ trợ HS dân trung tâm bị dốt và học	Sửa chữa, đẩy tu các trường		
								Hỗ trợ giáo viên NN dạy lớp phụ, lớp cường tổng Việt tốt	Hỗ trợ nấu ăn cho trẻ mầm non	Cộng	Chi phí học tập					Miễn giảm học phí	
1	2	3	4	5	6	7-8-9	8	9-10-11-12-13-14-15-16-17-18-19-20-21-22-23-24-25-26-27-28-29-30-31-32-33-34-35-36-37-38-39-40-41-42-43-44-45-46-47-48-49-50-51-52-53-54-55-56-57-58-59-60-61-62-63-64-65-66-67-68-69-70-71-72-73-74-75-76-77-78-79-80-81-82-83-84-85-86-87-88-89-90-91-92-93-94-95-96-97-98-99-100-101-102-103-104-105-106-107-108-109-110-111-112-113-114-115-116-117-118-119-120-121-122-123-124-125-126-127-128-129-130-131-132-133-134-135-136-137-138-139-140-141-142-143-144-145-146-147-148-149-150-151-152-153-154-155-156-157-158-159-160-161-162-163-164-165-166-167-168-169-170-171-172-173-174-175-176-177-178-179-180-181-182-183-184-185-186-187-188-189-190-191-192-193-194-195-196-197-198-199-200-201-202-203-204-205-206-207-208-209-210-211-212-213-214-215-216-217-218-219-220-221-222-223-224-225-226-227-228-229-230-231-232-233-234-235-236-237-238-239-240-241-242-243-244-245-246-247-248-249-250-251-252-253-254-255-256-257-258-259-260-261-262-263-264-265-266-267-268-269-270-271-272-273-274-275-276-277-278-279-280-281-282-283-284-285-286-287-288-289-290-291-292-293-294-295-296-297-298-299-300-301-302-303-304-305-306-307-308-309-310-311-312-313-314-315-316-317-318-319-320-321-322-323-324-325-326-327-328-329-330-331-332-333-334-335-336-337-338-339-340-341-342-343-344-345-346-347-348-349-350-351-352-353-354-355-356-357-358-359-360-361-362-363-364-365-366-367-368-369-370-371-372-373-374-375-376-377-378-379-380-381-382-383-384-385-386-387-388-389-390-391-392-393-394-395-396-397-398-399-400-401-402-403-404-405-406-407-408-409-410-411-412-413-414-415-416-417-418-419-420-421-422-423-424-425-426-427-428-429-430-431-432-433-434-435-436-437-438-439-440-441-442-443-444-445-446-447-448-449-450-451-452-453-454-455-456-457-458-459-460-461-462-463-464-465-466-467-468-469-470-471-472-473-474-475-476-477-478-479-480-481-482-483-484-485-486-487-488-489-490-491-492-493-494-495-496-497-498-499-500-501-502-503-504-505-506-507-508-509-510-511-512-513-514-515-516-517-518-519-520-521-522-523-524-525-526-527-528-529-530-531-532-533-534-535-536-537-538-539-540-541-542-543-544-545-546-547-548-549-550-551-552-553-554-555-556-557-558-559-560-561-562-563-564-565-566-567-568-569-570-571-572-573-574-575-576-577-578-579-580-581-582-583-584-585-586-587-588-589-590-591-592-593-594-595-596-597-598-599-600-601-602-603-604-605-606-607-608-609-610-611-612-613-614-615-616-617-618-619-620-621-622-623-624-625-626-627-628-629-630-631-632-633-634-635-636-637-638-639-640-641-642-643-644-645-646-647-648-649-650-651-652-653-654-655-656-657-658-659-660-661-662-663-664-665-666-667-668-669-670-671-672-673-674-675-676-677-678-679-680-681-682-683-684-685-686-687-688-689-690-691-692-693-694-695-696-697-698-699-700-701-702-703-704-705-706-707-708-709-710-711-712-713-714-715-716-717-718-719-720-721-722-723-724-725-726-727-728-729-730-731-732-733-734-735-736-737-738-739-740-741-742-743-744-745-746-747-748-749-750-751-752-753-754-755-756-757-758-759-760-761-762-763-764-765-766-767-768-769-770-771-772-773-774-775-776-777-778-779-780-781-782-783-784-785-786-787-788-789-790-791-792-793-794-795-796-797-798-799-800-801-802-803-804-805-806-807-808-809-810-811-812-813-814-815-816-817-818-819-820-821-822-823-824-825-826-827-828-829-830-831-832-833-834-835-836-837-838-839-840-841-842-843-844-845-846-847-848-849-850-851-852-853-854-855-856-857-858-859-860-861-862-863-864-865-866-867-868-869-870-871-872-873-874-875-876-877-878-879-880-881-882-883-884-885-886-887-888-889-890-891-892-893-894-895-896-897-898-899-900-901-902-903-904-905-906-907-908-909-910-911-912-913-914-915-916-917-918-919-920-921-922-923-924-925-926-927-928-929-930-931-932-933-934-935-936-937-938-939-940-941-942-943-944-945-946-947-948-949-950-951-952-953-954-955-956-957-958-959-960-961-962-963-964-965-966-967-968-969-970-971-972-973-974-975-976-977-978-979-980-981-982-983-984-985-986-987-988-989-990-991-992-993-994-995-996-997-998-999-1000-1001-1002-1003-1004-1005-1006-1007-1008-1009-1010-1011-1012-1013-1014-1015-1016-1017-1018-1019-1020-1021-1022-1023-1024-1025-1026-1027-1028-1029-1030-1031-1032-1033-1034-1035-1036-1037-1038-1039-1040-1041-1042-1043-1044-1045-1046-1047-1048-1049-1050-1051-1052-1053-1054-1055-1056-1057-1058-1059-1060-1061-1062-1063-1064-1065-1066-1067-1068-1069-1070-1071-1072-1073-1074-1075-1076-1077-1078-1079-1080-1081-1082-1083-1084-1085-1086-1087-1088-1089-1090-1091-1092-1093-1094-1095-1096-1097-1098-1099-1100-1101-1102-1103-1104-1105-1106-1107-1108-1109-1110-1111-1112-1113-1114-1115-1116-1117-1118-1119-1120-1121-1122-1123-1124-1125-1126-1127-1128-1129-1130-1131-1132-1133-1134-1135-1136-1137-1138-1139-1140-1141-1142-1143-1144-1145-1146-1147-1148-1149-1150-1151-1152-1153-1154-1155-1156-1157-1158-1159-1160-1161-1162-1163-1164-1165-1166-1167-1168-1169-1170-1171-1172-1173-1174-1175-1176-1177-1178-1179-1180-1181-1182-1183-1184-1185-1186-1187-1188-1189-1190-1191-1192-1193-1194-1195-1196-1197-1198-1199-1200-1201-1202-1203-1204-1205-1206-1207-1208-1209-1210-1211-1212-1213-1214-1215-1216-1217-1218-1219-1220-1221-1222-1223-1224-1225-1226-1227-1228-1229-1230-1231-1232-1233-1234-1235-1236-1237-1238-1239-1240-1241-1242-1243-1244-1245-1246-1247-1248-1249-1250-1251-1252-1253-1254-1255-1256-1257-1258-1259-1260-1261-1262-1263-1264-1265-1266-1267-1268-1269-1270-1271-1272-1273-1274-1275-1276-1277-1278-1279-1280-1281-1282-1283-1284-1285-1286-1287-1288-1289-1290-1291-1292-1293-1294-1295-1296-1297-1298-1299-1300-1301-1302-1303-1304-1305-1306-1307-1308-1309-1310-1311-1312-1313-1314-1315-1316-1317-1318-1319-1320-1321-1322-1323-1324-1325-1326-1327-1328-1329-1330-1331-1332-1333-1334-1335-1336-1337-1338-1339-1340-1341-1342-1343-1344-1345-1346-1347-1348-1349-1350-1351-1352-1353-1354-1355-1356-1357-1358-1359-1360-1361-1362-1363-1364-1365-1366-1367-1368-1369-1370-1371-1372-1373-1374-1375-1376-1377-1378-1379-1380-1381-1382-1383-1384-1385-1386-1387-1388-1389-1390-1391-1392-1393-1394-1395-1396-1397-1398-1399-1400-1401-1402-1403-1404-1405-1406-1407-1408-1409-1410-1411-1412-1413-1414-1415-1416-1417-1418-1419-1420-1421-1422-1423-1424-1425-1426-1427-1428-1429-1430-1431-1432-1433-1434-1435-1436-1437-1438-1439-1440-1441-1442-1443-1444-1445-1446-1447-1448-1449-1450-1451-1452-1453-1454-1455-1456-1457-1458-1459-1460-1461-1462-1463-1464-1465-1466-1467-1468-1469-1470-1471-1472-1473-1474-1475-1476-1477-1478-1479-1480-1481-1482-1483-1484-1485-1486-1487-1488-1489-1490-1491-1492-1493-1494-1495-1496-1497-1498-1499-1500-1501-1502-1503-1504-1505-1506-1507-1508-1509-1510-1511-1512-1513-1514-1515-1516-1517-1518-1519-1520-1521-1522-1523-1524-1525-1526-1527-1528-1529-1530-1531-1532-1533-1534-1535-1536-1537-1538-1539-1540-1541-1542-1543-1544-1545-1546-1547-1548-1549-1550-1551-1552-1553-1554-1555-1556-1557-1558-1559-1560-1561-1562-1563-1564-1565-1566-1567-1568-1569-1570-1571-1572-1573-1574-1575-1576-1577-1578-1579-1580-1581-1582-1583-1584-1585-1586-1587-1588-1589-1590-1591-1592-1593-1594-1595-1596-1597-1598-1599-1600-1601-1602-1603-1604-1605-1606-1607-1608-1609-1610-1611-1612-1613-1614-1615-1616-1617-1618-1619-1620-1621-1622-1623-1624-1625-1626-1627-1628-1629-1630-1631-1632-1633-1634-1635-1636-1637-1638-1639-1640-1641-1642-1643-1644-1645-1646-1647-1648-1649-1650-1651-1652-1653-1654-1655-1656-1657-1658-1659-1660-1661-1662-1663-1664-1665-1666-1667-1668-1669-1670-1671-1672-1673-1674-1675-1676-1677-1678-1679-1680-1681-1682-1683-1684-1685-1686-1687-1688-1689-1690-1691-1692-1693-1694-1695-1696-1697-1698-1699-1700-1701-1702-1703-1704-1705-1706-1707-1708-1709-1710-1711-1712-1713-1714-1715-1716-1717-1718-1719-1720-1721-1722-1723-1724-1725-1726-1727-1728-1729-1730-1731-1732-1733-1734-1735-1736-1737-1738-1739-1740-1741-1742-1743-1744-1745-1746-1747-1748-1749-1750-1751-1752-1753-1754-1755-1756-1757-1758-1759-1760-1761-1762-1763-1764-1765-1766-1767-1768-1769-1770-1771-1772-1773-1774-1775-1776-1777-1778-1779-1780-1781-1782-1783-1784-1785-1786-1787-1788-1789-1790-1791-1792-1793-1794-1795-1796-1797-1798-1799-1800-1801-1802-1803-1804-1805-1806-1807-1808-1809-1810-1811-1812-1813-1814-1815-1816-1817-1818-1819-1820-1821-1822-1823-1824-1825-1826-1827-1828-1829-1830-1831-1832-1833-1834-1835-1836-1837-1838-1839-1840-1841-1842-1843-1844-1845-1846-1847-1848-1849-1850-1851-1852-1853-1854-1855-1856-1857-1858-1859-1860-1861-1862-1863-1864-1865-1866-1867-1868-1869-1870-1871-1872-1873-1874-1875-1876-1877-1878-1879-1880-1881-1882-1883-1884-1885-1886-1887-1888-1889-1890-1891-1892-1893-1894-1895-1896-1897-1898-1899-1900-1901-1902-1903-1904-1905-1906-1907-1908-1909-1910-1911-1912-1913-1914-1915-1916-1917-1918-1919-1920-1921-1922-1923-1924-1925-1926-1927-1928-1929-1930-1931-1932-1933-1934-1935-1936-1937-1938-1939-1940-1941-1942-1943-1944-1945-1946-1947-1948-1949-1950-1951-1952-1953-1954-1955-1956-1957-1958-1959-1960-1961-1962-1963-1964-1965-1966-1967-1968-1969-1970-1971-1972-1973-1974-1975-1976-1977-1978-1979-1980-1981-1982-1983-1984-1985-1986-1987-1988-1989-1990-1991-1992-1993-1994-1995-1996-1997-1998-1999-2000-2001-2002-2003-2004-2005-2006-2007-2008-2009-2010-2011-2012-2013-2014-2015-2016-2017-2018-2019-2020-2021-2022-2023-2024-2025-2026-2027-2028-2029-2030-2031-2032-2033-2034-2035-2036-2037-2038-2039-2040-2041-2042-2043-2044-2045-2046-2047-2048-2049-2050-2051-2052-2053-2054-2055-2056-2057-2058-2059-2060-2061-2062-2063-2064-2065-2066-2067-2068-2069-2070-2071-2072-2073-2074-2075-2076-2077-2078-2079-2080-2081-2082-2083-2084-2085-2086-2087-2088-2089-2090-2091-2092-2093-2094-2095-2096-2097-2098-2099-2100-2101-2102-2103-2104-2105-2106-2107-2108-2109-2110-2111-2112-2113-2114-2115-2116-2117-2118-2119-2120-2121-2122-2123-2124-2125-2126-2127-2128-2129-2130-2131-2132-2133-2134-2135-2136-2137-2138-2139-2140-2141-2142-2143-2144-2145-2146-2147-2148-2149-2150-2151-2152-2153-2154-2155-2156-2157-2158-2159-2160-2161-2162-2163-2164-2165-2166-2167-2168-2169-2170-2171-2172-2173-2174-2175-2176-2177-2178-2179-2180-2181-2182-2183-2184-2185-2186-2187-2188-2189-2190-2191-2192-2193-2194-2195-2196-2197-2198-2199-2200-2201-2202-2203-2204-2205-2206-2207-2208-2209-2210-2211-2212-2213-2214-2215-2216-2217-2218-2219-2220-2221-2222-2223-2224-2225-2226-2227-2228-2229-2230-2231-2232-2233-2234-2235-2236-2237-2238-2239-2240-2241-2242-2243-2244-2245-2246-2247-2248-2249-2250-2251-2252-225									

Đơn vị: Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo

Chương: 622

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

Kèm theo Quyết định số 68b/QĐ- THCS ngày 11/01/2024 của Hiệu trưởng trường THCS Thị Trấn Tuần Giáo)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	7.633.972.000
I	Nguồn ngân sách trong nước	7.633.972.000
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	7.633.972.000
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	7.250.000.000
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	383.972.000
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Tuần Giáo, ngày 11 tháng 04 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Thị Mai Hương

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 1 NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.633.529.660	1.633.529.660		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.633.529.660	1.633.529.660		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.633.529.660	1.633.529.660		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tuần Giáo, ngày 03 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị


 The stamp is a red circular seal with the text "H. TUẦN GIÁO L. BIÊN" around the perimeter. In the center, it reads "TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ THỊ TRẤN TUẦN GIÁO". A blue ink signature is written over the stamp.

Đỗ Thị Mai Hương

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 1 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý(6 tháng/ cả năm) như

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		1.633.529.660		
I	Nguồn ngân sách trong nước		1.633.529.660		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		1.633.529.660		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.633.529.660		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tuần Giáo, ngày 05 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Thị Mai Hương

Đơn vị: Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 2 NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.951.502.412	1.951.502.412		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	1.951.502.412	1.951.502.412		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.736.927.412	1.736.927.412		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	214.575.000	214.575.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tuần Giáo, ngày 10 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Thị Mai Hương

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 2 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý(6 tháng/ cả năm) như:

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/ năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		1.951.502.412		
I	Nguồn ngân sách trong nước		1.951.502.412		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		1.951.502.412		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.736.927.412		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		214.575.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tuần Giáo, ngày 10 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Thị Mai Hương

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.585.032.072	3.585.032.072		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.585.032.072	3.585.032.072		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.370.457.072	3.370.457.072		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	214.575.000	214.575.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				

7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Thị Trần Tuấn Giáo, ngày 14 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Thị Mai Hương

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý(6 tháng/ cả năm) như
Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/ năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		3.585.032.072		
I	Nguồn ngân sách trong nước		3.585.032.072		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		3.585.032.072		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.370.457.072		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		214.575.000		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tuần Giáo, ngày 10 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Thị Mai Hương

Số: 118a/QĐ-THCS

Tuần Giáo, ngày 01 tháng 7 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai bổ sung dự toán ngân sách năm 2024
của Trường THCS TT Tuần Giáo**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG THCS THỊ TRẦN TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2019 của bộ tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của bộ tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 10/06/2024 của UBND huyện Tuần Giáo về việc phê duyệt phương án điều chỉnh kinh phí chi mua sắm trang thiết bị dạy và học từ phòng Giáo dục và Đào tạo huyện cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2024

Căn cứ Quyết định số 100/QĐ-PGDĐT ngày 05/06/2024 của Phòng Giáo dục và Đào Tạo huyện Tuần Giáo về việc điều chỉnh kinh phí chi mua sắm trang thiết bị dạy và học từ phòng Giáo dục và Đào tạo huyện cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện Tuần Giáo năm 2024

Xét đề nghị của bộ phận tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 của trường THCS Thị Trần Tuần Giáo (biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Quyết định này được niêm yết tại trụ sở làm việc của cơ quan từ ngày 01/07/2024 đến 10/7/2024 và công bố tại cuộc họp viên chức, người lao động.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Trường THCS Thị Trấn Tuần Giáo và các bộ phận có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trường THCS Thị Trấn Tuần Giáo;
- Các bộ phận;
- Lưu VT, KT.



Đỗ Thị Mai Hương

Số: 100/QĐ - PGDĐT

Tuần Giáo, ngày 05 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc điều chỉnh kinh phí chi mua sắm trang thiết bị dạy và học từ phòng Giáo dục và Đào tạo huyện cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện Tuần Giáo, năm 2024

TRƯỞNG PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/5/2015;

Căn cứ Quyết định số 02/2021/QĐ-UBND ngày 29/9/2021 của UBND huyện Tuần Giáo Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Phòng GD&ĐT huyện Tuần Giáo;

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 268/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 815/QĐ-UBND ngày 10/6/2024 của UBND huyện Tuần Giáo về việc phê duyệt phương án điều chỉnh kinh phí chi mua sắm trang thiết bị dạy và học từ Phòng giáo dục và Đào tạo huyện Tuần Giáo cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện Tuần Giáo, năm 2024;

Xét theo nhu cầu của các đơn vị trường học, theo đề nghị của bộ phận tài vụ Phòng Giáo dục và Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kinh phí từ nguồn chi SNGD tại phòng Giáo dục và Đào tạo bổ sung cho các trường, thực hiện mua sắm trang thiết bị dạy năm 2024 nguồn kinh phí thực hiện tự chủ mã nguồn 12 tổng số tiền: 6.572.623.424 đồng (Sáu tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm hai mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi bốn đồng).

Mã chương	Mã nguồn	Loại khoản	Số tiền
622	12	070-071	-2.064.220.762
622	12	070-072	-1.687.209.192
622	12	070-073	-2.821.193.470
Cộng			-6.572.623.424

(Như biểu chi tiết kèm theo)

Điều 2. Căn cứ dự toán được giao, Phòng giáo dục và đào tạo, các trường có trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí theo quy định hiện hành, đảm bảo đúng đối tượng, chính sách quy định của Nhà nước.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký.

Hiệu trưởng các trường, Văn phòng phòng Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC-KH;
- KBNN huyện;
- LĐ, CC, VC phòng
- Các trường;
- Lưu VT, TV.

TRƯỞNG PHÒNG



Đỗ Văn Sơn

BIỂU CHI TIẾT BỔ SUNG DỰ TOÁN CHI SỰ NGHIỆP GIÁO DỤC NĂM 2024

(Kèm theo QĐ 100/TH-UBND ngày 05/6/2024 của Phòng GD&ĐT Tuần Giáo)

ĐVT: đồng



	Tên trường	Mã ĐVSDNS	Số tiền điều chỉnh tăng cho các trường	Điều chỉnh giảm của PGD
	Tổng cộng		6.572.623.424	-6.572.623.424
I	Cấp Mầm non (071)		2.064.220.762	-2.064.220.762
1	Trường MN Bình Minh	1097911	199.606.836	
2	Trường MN Tênh Phong	1099369	97.605.922	
3	Trường MN Khong Hin	1099367	89.935.510	
4	Trường MN Nà Sáy	1097891	193.515.798	
5	Trường MN thị trấn	1097887	94.184.880	
7	Trường MN Ta Ma	1097921	159.032.308	
8	Trường MN Quải Cang	1097902	86.825.652	
11	Trường MN Mường Thín	1099374	183.807.906	
12	Trường MN Họa Mĩ	1097898	47.504.800	
13	Trường MN Toả Tình	1097890	94.043.740	
14	Trường MN Quải Nưa	1097892	91.347.864	
15	Trường MN Chiềng Sinh	1097897	63.904.588	
17	Trường MN Sao Mai	1110075	67.462.944	
18	Trường MN Pú Nhung	1097910	195.910.890	
19	Trường MN Pú Xi	1099373	61.513.910	
21	Trường MN Mường Mùn	1097905	93.894.372	
22	Trường MN Mùn Chung	1097895	174.813.582	
24	Trường MN Phình Sáng	1097893	69.309.260	
	Phòng Giáo dục	1034298		-2.064.220.762
II	Cấp Tiểu học (072)		1.687.209.192	- 1.687.209.192
1	Trường TH Khong Hin	1097931	159.783.202	
2	Trường TH Rạng Đông	1097926	59.259.728	
3	Trường TH Mường Mùn	1097924	75.773.886	
4	Trường TH Bình Minh	1097908	92.474.302	
5	Trường TH Số 1TT	1097937	97.722.000	
6	Trường TH số 1 Quải Nưa	1097904	97.129.882	
7	Trường TH Pú Nhung	1097907	72.144.942	
8	Trường TH Mùn Chung	1097930	87.078.320	
9	Trường TH Phình Sáng	1097915	58.189.108	
10	Trường TH số 2 thị trấn	1097938	63.300.934	
11	Trường TH Quải Tở	1097888	85.726.434	
12	Trường TH Xuân Ban	1097933	62.841.610	
13	Trường TH Chiềng Sinh	1097935	79.446.706	

	 Tên trường	Mã ĐVSDNS	Số tiền điều chỉnh tăng cho các trường	Điều chỉnh giảm của PGD
14	Trường PTDTBT TH Nà Tông	1099375	134.310.988	
15	Trường TH Quài Cang	1097946	89.324.794	
16	Trường TH số 2 Quài Cang	1097932	40.370.786	
17	Trường TH Mường Thín	1099376	85.363.736	
18	Trường TH Nậm Din	1097922	85.221.534	
19	Trường PTDTBT Ta Ma	1097927	69.685.860	
20	Trường TH Nậm Mực	1099377	33.359.812	
21	Trường TH số 2 Quài Nưa	1097940	58.700.628	
	Phòng Giáo dục	1034298		-1.687.209.192
III	Cấp THCS (073)	...	<u>2.821.193.470</u>	<u>-2.821.193.470</u>
1	Trường THCS Quài Nưa	1097903	188.252.500	
2	Trường THCS Vừ A Dính	1097906	176.120.400	
3	Trường TH&THCS Nà Sáy	1097942	292.060.332	
4	Trường THCS Khong Hin	1105602	171.529.784	
5	Trường THCS Chiềng Đông	1130891	195.427.900	
6	Trường THCS Quài Cang	1097909	90.307.900	
7	Trường THCS Rạng Đông	1097925	98.504.000	
8	Trường TH&THCS Toả Tình	1097917	132.594.200	
9	Trường THCS Chiềng Sinh	1097936	183.634.400	
10	Trường PTDTBT THCS Mường Mùn	1097923	158.823.000	
11	Trường THCS Thị Trấn	1097939	29.658.876	
12	Trường PTDT bán trú THCS Mùn Chung	1097929	184.169.900	
13	Phòng	1097918	161.376.000	
14	Trường PTDTBT THCS Phình Sáng	1105599	199.595.034	
15	Trường THCS Mường Thín	1097914	185.923.316	
16	Trường PTDTBT TH&THCS Pú Xi	1097912	195.689.934	
17	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	1097920	177.525.994	
	Phòng Giáo dục	1034298		-2.821.193.470

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt phương án điều chỉnh kinh phí chi mua sắm trang thiết bị dạy và học từ phòng Giáo dục và Đào tạo huyện cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện Tuần Giáo, năm 2024

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi bổ sung một số Điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 26/5/2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước; Thông tư số 342/2016/TT-BTC ngày 30/12/2016 của Bộ Tài chính Quy định chi tiết một số điều của Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi một số điều của Luật ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định 127/2018/NĐ-CP ngày 21/9/2018 của Chính phủ quy định trách nhiệm quản lý nhà nước về Giáo dục;

Căn cứ Nghị định 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ quy định cơ chế tự chủ tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Thông tư số 56/2022/TT-BTC ngày 16/9/2022 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập; xử lý tài sản, tài chính khi tổ chức lại, giải thể đơn vị sự nghiệp công lập;

Căn cứ Quyết định số 1114/QĐ-UBND ngày 08/6/2022 của UBND huyện Tuần Giáo về việc phân loại và giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc huyện Tuần Giáo giai đoạn 2022-2026;

Căn cứ Quyết định số 1929/QĐ-UBND ngày 20/12/2023 của UBND huyện Tuần Giáo về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1999/QĐ-UBND ngày 27/12/2023 của UBND huyện Tuần Giáo về việc phê duyệt phương án phân bổ dự toán chi sự nghiệp giáo dục năm 2024 cho phòng Giáo dục và Đào tạo huyện Tuần Giáo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 659/TTr-PGD&ĐT ngày 29/5/2024 và Báo cáo thẩm định số 213/BC-TCKH ngày 06/6/2024 của Phòng Tài chính - Kế hoạch về việc thẩm định phương án điều chỉnh kinh phí chi mua sắm trang thiết bị dạy và học từ phòng Giáo dục và Đào tạo huyện cho các đơn vị trường học trên địa bàn huyện Tuần Giáo, năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Điều chỉnh kinh phí chi mua sắm trang thiết bị dạy và học từ phòng Giáo dục và Đào tạo huyện cho 56 đơn vị trường học trên địa bàn huyện Tuần Giáo, năm 2024 số tiền: 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng chẵn)

(Chi tiết như các biểu kèm theo)

Điều 2. Căn cứ phương án điều chỉnh kinh phí này, phòng Giáo dục và Đào tạo huyện có trách nhiệm ra Quyết định điều chỉnh kinh phí từ phòng Giáo dục và đào tạo huyện cho 56 đơn vị trường học trên địa bàn huyện Tuần Giáo để thực hiện mua sắm thiết bị dạy và học tối thiểu, tài sản cấp Mầm non, Tiểu học, THCS năm học 2024-2025.

Giao cho Phòng Tài chính - Kế hoạch có trách nhiệm nhập dự toán chi Sự nghiệp giáo dục năm 2024 cho các trường trên hệ thống Tabmis sau khi có quyết định của phòng Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng HĐND&UBND; Trưởng phòng Tài Chính - Kế hoạch; Giám đốc Kho bạc huyện, Trưởng phòng Giáo dục và Đào tạo, Hiệu trưởng các đơn vị trường học chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo UBND;
- Lưu VT, PGD.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Mùa Va Hồ

BIỂU THUYẾT MINH PHƯƠNG ÁN ĐIỀU CHỈNH DỰ TOÁN CHO CÁC ĐƠN VỊ TRƯỜNG NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /6/2024 của UBND huyện Tuấn Giáo)

	TÊN TRƯỜNG	Mã QHNS	Điều chỉnh giảm mã nguồn 12	Điều chỉnh tăng mã nguồn 12	Ghi chú
	Tổng số		-10.000.000.000	10.000.000.000	
I	<u>Cấp Mầm non (071)</u>		<u>-2.000.000.000</u>	<u>2.971.709.000</u>	
1	Trường MN Bình Minh	1097911		297.126.000	
2	Trường MN Tênh Phong	1099369		196.889.000	
3	Trường MN Khong Hin	1099367		145.668.000	
4	Trường MN Nà Sáy	1097891		269.992.000	
5	Trường MN thị trấn	1097887		157.810.000	
6	Trường MN Ta Ma	1097921		314.741.000	
7	Trường MN Quài Cang	1097902		86.933.000	
8	Trường MN Mường Thín	1099374		237.068.000	
9	Trường MN Họa Mi	1097898		47.600.000	
10	Trường MN Toả Tinh	1097890		94.099.000	
11	Trường MN Quài Nưa	1097892		91.373.500	
12	Trường MN Chiềng Sinh	1097897		63.943.000	
13	Trường MN Sao Mai	1110075		106.783.000	
14	Trường MN Pú Nhung	1097910		242.125.000	
15	Trường MN Pú Xi	1099373		109.427.000	
16	Trường MN Mường Mùn	1097905		93.982.000	
17	Trường MN Mùn Chung	1097895		302.424.500	
18	Trường MN Phình Sáng	1097893		113.725.000	
	Phòng Giáo dục	1034298	-2.000.000.000		
II	<u>Cấp Tiểu học (072)</u>		<u>-4.000.000.000</u>	<u>2.550.046.100</u>	<u>0</u>
1	Trường TH Khong Hin	1097931		233.330.800	
2	Trường TH Rạng Đông	1097926		138.639.000	
3	Trường TH Mường Mùn	1097924		136.174.000	
4	Trường TH Bình Minh	1097908		93.897.000	
5	Trường TH Số 1 TT	1097937		158.700.000	
6	Trường TH số 1 Quài Nưa	1097904		193.766.000	
7	Trường TH Pú Nhung	1097907		102.900.000	
8	Trường TH Mùn Chung	1097930		184.735.000	
9	Trường TH Phình Sáng	1097915		58.243.000	
10	Trường TH số 2 thị trấn	1097938		63.317.000	

	TÊN TRƯỜNG	Mã QHNS	Điều chỉnh giảm mã nguồn 12	Điều chỉnh tăng mã nguồn 12	Ghi chú
11	Trường TH Quài Tở	1097888		183.273.000	
12	Trường TH Xuân Bàn	1097933		62.878.600	
13	Trường TH Chiềng Sinh	1097935		79.487.000	
14	Trường PTDTBT TH Nà Tông	1099375		204.094.000	
15	Trường TH Quài Cang	1097946		89.327.000	
16	Trường TH số 2 Quài Cang	1097932		110.960.000	
17	Trường TH Mường Thín	1099376		85.391.000	
18	Trường TH Nậm Dìn	1097922		157.856.000	
19	Trường PTDTBT Ta Ma	1097927		120.952.000	
20	Trường TH Nậm Mức	1099377		33.370.700	
21	Trường TH số 2 Quài Nưa	1097940		58.755.000	
	Phòng Giáo dục	1034298	-4.000.000.000		
III	Cấp THCS (073)		-4.000.000.000	4.478.244.900	
1	Trường THCS Quài Nưa	1097903		379.943.700	
2	Trường THCS Vừ A Dính	1097906		225.745.600	
3	Trường TH&THCS Nà Sáy	1097942		384.049.700	
4	Trường THCS Khong Hin	1105602		270.529.800	
5	Trường THCS Chiềng Đông	1130891		288.979.100	
6	Trường THCS Quài Cang	1097909		178.390.300	
7	Trường THCS Rạng Đông	1097925		192.134.000	
8	Trường TH&THCS Toả Tinh	1097917		240.105.200	
9	Trường THCS Chiềng Sinh	1097936		267.758.600	
10	Trường PTDTBT THCS Mường Mùn	1097923		321.967.000	
11	Trường THCS Thị Trấn	1097939		29.718.000	
12	Trường PTDT bán trú THCS Mùn Chung	1097929		302.958.100	
13	Trường PTDTBT TH&THCS Tầm Phông	1097918		260.060.000	
14	Trường PTDTBT THCS Phình Sáng	1105599		299.310.700	
15	Trường THCS Mường Thín	1097914		283.093.200	
16	Trường PTDTBT TH&THCS Pú Xi	1097912		343.712.000	
17	Trường PTDTBT THCS Ta Ma	1097920		209.789.900	
	Phòng Giáo dục	1034298	-4.000.000.000		

Đơn vị: Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo

Chương: 622

DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC HỖ TRỢ

Kèm theo Quyết định số 48/QĐ-THCS ngày 01/7/2024 của Hiệu trưởng trường THCS Thị trấn Tuần Giáo

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	29.658.876
I	Nguồn ngân sách trong nước	29.658.876
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	29.658.876
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	29.658.876
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
II	Nguồn vay nợ nước ngoài	
1	Chi quản lý hành chính	
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
5	Chi đảm bảo xã hội	
6	Chi hoạt động kinh tế	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	

Tuần Giáo, ngày 14 tháng 7 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị



Đỗ Thị Mai Hương

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 3 NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	1.693.127.244	1.693.127.244		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy	1.693.127.244	1.693.127.244		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.693.127.244	1.693.127.244		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tuần Giáo, ngày 5 tháng 4 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Thị Mai Hương

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 3 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý(6 tháng/ cả năm)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/ năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		1.693.127.244		
I	Nguồn ngân sách trong nước		1.693.127.244		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		1.693.127.244		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		1.693.127.244		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				

10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tuần Giáo, ngày 5 tháng 10 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Thị Mai Hương

Đơn vị: Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo

Chương: 622

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ 4 NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	3.545.906.347	3.545.906.347		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	3.545.906.347	3.545.906.347		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	3.043.466.471	3.043.466.471		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	502.439.876	502.439.876		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				

4	Chỉ sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chỉ đảm bảo xã hội				
6	Chỉ hoạt động kinh tế				
7	Chỉ sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chỉ sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chỉ sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chỉ sự nghiệp thể dục thể thao				

Thị Trấn Tuần Giáo, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Thị Mai Hương

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ 4 NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý(6 tháng/ cả năm)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		3.545.906.347		
I	Nguồn ngân sách trong nước		3.545.906.347		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		3.545.906.347		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		3.043.466.471		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		502.439.876		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi đảm bảo xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			

Thị Trần Tuần Giáo, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Thị Mai Hương

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
I	Nguồn ngân sách trong nước	5.239.033.591	5.239.033.591		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	5.239.033.591	5.239.033.591		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	4.736.593.715	4.736.593.715		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	502.439.876	502.439.876		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				

5	Chi đảm bảo xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			

Thị Trấn Tuần Giáo, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Thị Mai Hương

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH 6 THÁNG CUỐI NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý(6 tháng/ cả năm)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/ năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		5.239.033.591		
I	Nguồn ngân sách trong nước		5.239.033.591		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		5.239.033.591		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		4.736.593.715		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		502.439.876		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
III	Nguồn vay nợ nước ngoài			
1	Chi quản lý hành chính			
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ			
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề			
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
5	Chi đảm bảo xã hội			
6	Chi hoạt động kinh tế			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn			
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			

Thị Trấn Tuần Giáo, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Thị Mai Hương

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẢ NĂM 2024

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực
1	2	3	4	5 = 4 - 3	6
A	Quyết toán thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí				
I	Số thu phí, lệ phí				
1	Lệ phí				
2	Phí				
3	Thu SXKD, dịch vụ				
II	Chi từ nguồn thu phí được khấu trừ hoặc để lại				
1	Chi sự nghiệp				
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên				
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Chi SXKD, dịch vụ				
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước				
1	Lệ phí				
2	Phí				
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	8.824.065.663	8.824.065.663		
I	Nguồn ngân sách trong nước	8.824.065.663	8.824.065.663		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	8.824.065.663	8.824.065.663		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	8.107.050.787	8.107.050.787		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	717.014.876	717.014.876		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tuần Giáo, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)



Đỗ Thị Mai Hương

CÔNG KHAI THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH CẢ NĂM 2024

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 09 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/06/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Trường THCS Thị trấn Tuần Giáo công khai tình hình thực hiện dự toán thu-chi ngân sách quý(6 tháng/ cả năm)

Đơn vị tính: Đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm	Ước thực hiện quý/6 tháng/ năm	Ước thực hiện/ Dự toán năm (tỷ lệ %)	Ước thực hiện quý (6 tháng, năm) nay so với cùng kỳ năm trước (tỷ lệ %)
1	2	3	4	5	6
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước		8.824.065.663		
I	Nguồn ngân sách trong nước		8.824.065.663		
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề		8.824.065.663		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên		8.107.050.787		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên		717.014.876		
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
II	Nguồn vốn viện trợ				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				

9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
III	Nguồn vay nợ nước ngoài				
1	Chi quản lý hành chính				
2	Chi sự nghiệp khoa học công nghệ				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề				
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
5	Chi đảm bảo xã hội				
6	Chi hoạt động kinh tế				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn				
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				

Tuần Giáo, ngày 31 tháng 12 năm 2024

Thủ trưởng đơn vị

(Chữ ký, dấu)




Đỗ Thị Mai Hương